

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM NHÙN
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 07/2019/HNGD - ST

Ngày: 22/11/2019

V/v “Xin Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: ***Lý Đức Hiệp***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: ***Nguyễn Hồng Thanh***

2. Bà: ***Lò Thị Chương***

Th- ký phiên tòa: Ông : ***Đổng Văn Dũng*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà: ***Hoàng Thị Ngọc Hà*** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn vụ án HNGĐ thụ lý số: 16/2019/TLST- HNGĐ ngày 29/8/2019 về việc xin ly hôn theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 06/2019/ QĐXX- ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đ- ơng sự:

1/ Nguyên đơn: Ông: Lò Văn K - Sinh năm 1989.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Trú tại: Bản Đór, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.

(Có mặt tại phiên tòa)

2/ Bị đơn: Chị: Chui Thị C - Sinh năm 1993.

Nghề nghiệp: Giáo viên

Trú tại: Bản Chang, xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

(Vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28 tháng 8 năm 2019 và những lời khai tiếp sau nguyên đơn anh Lò Văn K trình bày: Anh K và chị Chui Thị C kết hôn với nhau ngày 24/6/2014. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Lê lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu cấp. Cuộc sống chung của vợ

chồng anh có hạnh phúc được một thời gian sau đó do vợ chồng nảy sinh bất hoà, không có chung quan điểm sống thường xuyên cái vã xung đột nên hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, hiện tại đến thời gian này chưa có con chung. Đến nay anh K nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp, mục đích hôn nhân không đạt được “chưa có con chung” nên anh K đề nghị xin ly hôn.

Việc nuôi con: Chưa có con chung.

Chia tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Chu Thị C trình bày: Quá trình kết hôn là đúng. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc luôn quan tâm yêu thương nhau, từ tháng 5/2019 anh K viết đơn đòi ly hôn với chị. Do điều kiện công việc của hai vợ chồng không ở gần nhau, trong khi hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì cũng không cãi và gì nên chị C xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn không đồng ý ly hôn quay về đoàn tụ gia đình.

Việc nuôi con: Chưa có con chung.

Chia tài sản chung: Vợ, chồng tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn chị Chu Thị C: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị C: Như Giấy triệu tập; Thông báo đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị C đã nhận các thủ tục trên của Tòa án, nhưng không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên Tòa án không thể tiến hoà giải được hai bên.

Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tổng đạt cho Chị C nhưng chị C không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật (vì chị C vắng mặt lần thứ hai).

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Lò Văn K vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C theo nội dung đơn xin ly hôn của anh K đã trình bày.

Tại phiên tòa KSV đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 điều 147 BLTTDS; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn cố tình không có mặt.

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa thấy: Về quan hệ hôn nhân: Xác định mục đích hôn nhân của anh K và chị C không đạt được “đến nay chưa có con chung”, vợ chồng không sống chung cùng nhau, không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Như vậy yêu cầu của anh K xin được ly hôn với chị C là có căn cứ.

Về con chung: Chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Việc anh Lò Văn K khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với chị Chui Thị C, xét yêu cầu khởi kiện của anh K là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chị Chui Thị C đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng chị C cố tình không đến, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các thủ tục giao nhận theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị C vắng mặt không rõ lý do, đây là lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị C.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của anh K, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn K và chị Chui Thị C tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/6/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Chị C cư trú tại bản Chang, xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên khi tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thì chị C nhận nhưng chị C cố tình không đến nên không tiến hành hòa giải được. Về mâu thuẫn vợ chồng thì quá trình chung sống anh K cho rằng do vợ chồng nảy sinh bất hoà, không có chung quan điểm sống thường xuyên cái vã xung đột nên hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay, hiện tại đến thời gian này chưa có con chung nên việc xin ly hôn của anh K đối với chị C là cương quyết. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị C xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được “chưa có con chung” nên yêu cầu của anh K xin ly hôn với chị C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chưa có con chung nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh K phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 điều 147 BLTTDS; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lò Văn K được ly hôn với chị Chui Thị C.

2. Về con chung: Chưa có con chung nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lò Văn K phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm xác nhận anh K đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai tạm thu tiền số AA/2010/0002993 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn, anh K đã nộp đủ án phí HNGĐ -ST.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Chi cục thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn;
- UBND xã Lê Lợi;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa